

# Tư sản văn minh với dân chủ đa nguyên thay vì tư bản man rợ với chủ nghĩa xã hội

Tôn Thất Thiện

## I

### Tư bản: âm vang của quá khứ

Dân Chủ Đa Nguyên (DCĐN) có hai diện lớn: một diện chính trị và một diện kinh tế. Hai diện này dính liền với nhau, và nói đến DCĐN tất nhiên phải nói rõ về cả hai. Xác định rõ ràng và dứt khoát mục tiêu, nội dung và khuôn khổ hoạt động về mặt chính trị của DCĐN là một công việc tương đối giản dị; trái lại, làm công việc tương tự về phương diện kinh tế thì lại không giản dị chút nào cả.

Một lý do chính là trong thời gian mà chế độ tư bản vừa phát triển mãnh liệt vừa không tự kềm chế, mà cũng không bị kềm chế, chế độ này đã lộng hành, lũng đoạn, gây cho mình một hình ảnh không đẹp với đa số dân chúng: “tư bản” đồng nghĩa với: chỉ biết có tư lợi, bóc lột, bất công, vô nhân đạo. Các giới cộng sản đã khai thác tình trạng trên đây một cách dễ dàng. Nhưng trong những năm gần đây, một tình trạng mới đã xuất hiện. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu đã gây dao động và hoài nghi trong hàng ngũ đảng viên, cán bộ, và trong công chúng đối với chủ nghĩa cộng sản thay vì đối với chủ nghĩa tư bản. Tình trạng mới này buộc những giới cộng sản còn sót lại phải phát động một chiến dịch để thuyết phục cán bộ và đại chúng rằng chủ nghĩa cộng sản (xã hội) nay vẫn còn giá trị, và bản chất tư bản vẫn không thay đổi.

Những luận điệu trên đây khác xa với thực tại, nhưng nó không hoàn toàn hết hiệu nghiệm. Trường hợp Nga và các nước Đông Âu cho thấy rằng tuy đại đa số dân chúng nhất quyết không muốn trở lui lại chế độ cộng sản, nhưng danh từ “tư bản” vẫn còn gây lên một âm vang xấu. Ở Việt Nam ý nghĩ “bản

chất tư bản là man rợ...đàn áp, giết hại, mua chuộc, lừa lọc” vẫn ám ảnh ngay cả những người như ông Nguyễn Khắc Viện, dù rằng, như sẽ nói ở đoạn dưới, họ sẵn sàng chấp nhận chủ nghĩa tư bản (1).

Vì lý do nêu trên, những người chủ trương dân chủ đa nguyên, nghĩa là đương nhiên chủ trương tự do kinh doanh về kinh tế, phải làm sao thuyết phục được đại chúng về hai điểm: 1/ chấp nhận tự do kinh doanh không không phải là chấp nhận trở lại chế độ tư bản mà họ đã là nạn nhân trong quá khứ; và 2/ kinh tế tự do kinh doanh có nhiều khả năng thỏa mãn nhất những gì mà họ mong muốn.

Ở đây, vấn đề danh xưng cần được nêu ra. Tâm lý học cho ta biết rằng danh xưng tạo ra hình ảnh tốt hay xấu trong trí con người. Triết lý Đông Phương cũng dạy rằng “*danh chánh, ngôn thuận, sự thành*”: danh xưng đúng thì lời nói mới trôi chảy và thuận tai người ta nghe, và sự việc mới thành được. Cho nên, tìm cho thể chế kinh tế dân chủ đa nguyên một danh xưng thích hợp, trở thành một điều tối hệ trọng. Danh xưng này phải nói lên một cách rõ ràng dứt khoát sự tách biệt giữa những ý niệm “bóc lột”, “bất công”, và danh từ “tư bản”, vì, dù muốn dù không, tự do kinh doanh là một đặc tính của kinh tế tư bản.

### Một bối cảnh mới

May cho những người chủ trương kinh tế tự do kinh doanh, trong công việc thuyết phục nói trên, họ gặp một bối cảnh mới, khá thuận lợi: đó là những biến chuyển Nga và Đông Âu -những dữ kiện lịch sử không ai phủ nhận được- , cùng những đòi hỏi xét lại sự thích hợp của chủ nghĩa cộng sản trong tình hình hiện tại xuất phát từ ngay trong hàng ngũ ĐCSVN.

Những biến chuyển ở Nga và Đông Âu trong những năm 1988-1992 là những biến chuyển lớn trong lịch sử thế giới nên mọi người đều biết đến, và không cần đề cập đến ở đây. Những điều cần nói đến là những chuyển biến trong hàng ngũ ĐCSVN, vì những biến chuyển này, có tính cách tranh cãi nội bộ, đã không được phổ biến rộng rãi.

Chắc mọi người còn nhớ “vụ Dương Thu Hương.” Vụ này xảy ra nay đã 10 năm. Tiếp theo là “vụ Phan Đình Diệu”. Trong hai trường hợp vấn đề chủ nghĩa Mác-Lê không thích hợp cho Việt Nam được công khai đặt ra ngay trong hàng ngũ ĐCSVN.

Tiếp theo hai người trên đây, từ 1990 trở đi, ngay trong hàng ngũ ĐCSVN, số người lên tiếng đòi lãnh đạo Đảng từ bỏ đường lối “xã hội chủ nghĩa” càng ngày càng đông, và đòi hỏi của họ càng ngày càng mạnh dạn, căn cứ trên những dữ kiện phong phú chính xác, trên những lý luận vững chắc khó bác. Tên tuổi những người đó đã thành quen thuộc với dân chúng Việt Nam, và danh sách họ càng ngày càng dài.

Ngoài những người trên đây, còn có một số cán bộ thuộc loại tư tưởng gia cao cấp, tuy không công khai nặng nề chỉ trích đường lối hiện tại của Đảng, nhưng cũng đã nói lên, dù là một cách nhẹ nhàng và với tinh thần “xây dựng”, sự lo lắng của họ, và nhất là nhu cầu cần xét lại căn bản tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới, trong đó chủ nghĩa cộng sản, thay vì vươn lên, thì lại suy sụp thê thảm, còn chủ nghĩa tư bản, thay vì dấy chết, thì lại thịnh phát ngoạn mục. Điều này có một tầm quan trọng rất lớn, nên tưởng cần phải xét nó một cách chi tiết.

## Tại sao phải nhất thiết...xã hội chủ nghĩa?

Chỉ ba tháng sau sự giải thể của Liên Xô, mà Nguyễn Đức Bình gọi là trận “động đất chính trị” và “bước thoái trào chưa từng thấy của cách mạng”(2). Bộ Chính Trị ra Nghị Quyết số 1 (28/3/1992) chỉ thị cho những lý thuyết gia chóp bu của Đảng “đẩy mạnh công tác lý luận”, nhằm “làm sáng tỏ hơn nữa những căn cứ khoa học và thực tiễn” của việc xây dựng mô hình về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (3). Một điểm nổi bật trong Nghị Quyết này là nó thú nhận rằng “trong nhiều năm qua nội dung đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận hầu như chỉ bó hẹp lại trong việc nghiên cứu các bộ môn khoa học Mác-Lê-nin, chưa coi trọng việc nghiên cứu các trào lưu khác...”. Do đó, Bộ Chính Trị chỉ thị cho các cán bộ lý luận phải: “Chú trọng nghiên cứu những vấn đề về thời đại, về chủ nghĩa tư bản hiện đại...” Hậu quả đương nhiên là cán bộ, đảng viên, và trí thức trong Đảng được dịp nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản mà không sợ bị nghi là có ý định mờ ám.

Những “luận cứ” đủ loại được những lý thuyết gia hàng đầu của ĐCSVN trình bày tại một hội nghị do Ban Bí Thư Trung Ương Đảng triệu tập tại Hà Nội vào tháng 5, 1992. Điều đáng chú ý nhất là những tham luận đọc tại hội nghị đó làm nổi bật một điểm: đó là trong hàng ngũ ĐCSVN có một sự hỗn tạp lớn về tư tưởng (4).

Trong tập đoàn lãnh đạo của ĐCSVN có những người thủ cựu cực đoan, mà đầu đàn là Nguyễn Đức Bình (5), cho rằng nguyên do sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là quan niệm giáo điều và ý đồ phản bội chớ không phải vì chủ nghĩa Mác-Lê sai lầm và phá sản, và rốt cuộc “bằng cách này hay cách khác” chủ nghĩa xã hội “sẽ phục hồi sức sống mãnh liệt và tiếp tục tiến lên” vì đó là “quy luật của lịch sử”(6). Luận cứ này được các nhà lý luận gia cấp 2, cấp 3 lặp đi lặp lại trong các sách báo của Đảng, và

được lấy làm nội dung và chất liệu nhồi sọ trong những sách giáo khoa của Đảng (7).

Những phát biểu trên đây chỉ là khẳng định suông nhằm trấn an đảng viên và cán bộ, và, như Trần Bạch Đằng, một lý thuyết gia lớn khác của Đảng, nhấn mạnh, nó bị nhiều chứng minh của tình hình khách quan chống lại. Ông nói: “Nhiều điều tưởng chừng đã được giải quyết xong lại đang xuất hiện. Chẳng hạn thế nào là chủ nghĩa xã hội, tại sao Việt Nam nhất thiết phải đi theo con đường xã hội chủ nghĩa...?” Cho nên, ông cảnh cáo rằng chỉ “khẳng định giản đơn” sẽ không đủ sức thuyết phục (8).

Một lý thuyết gia khác, tầm vóc cũng rất lớn, và kỳ cựu hạng nhất trong hàng ngũ ĐCSVN, là ông Trần Văn Giàu. Ông này ghi nhận rằng “Chủ Nghĩa Đế Quốc” [sách gối đầu của đảng viên ĐCSVN] của Lê-nin đã 80 năm rồi. Trong thời gian đó, “có quá nhiều thay đổi”, và “có nhiều dự đoán của Lê-nin đã không xảy ra, hoặc xảy ra mà khác đi”. Và ông đặt câu hỏi: “Đặc điểm tư bản chủ nghĩa hiện đại là gì so với thời Lê-nin, so với thời sau Thế chiến thứ hai? Có nhiều nhận định khác nhau. Việt Nam ta nhận định thế nào?” Ông hỏi: “Thế giới đi về đâu? Tương lai thế nào? Nhìn ra thì như có đám sương mù dày trước mắt”. Và ông nói lên một sự thật chua chát: nếu không rõ thì làm sao giữ vững lòng tin, “nhứt là trong lúc mà thế lực của tư bản lại đang bành trướng, còn phạm vi của chủ nghĩa xã hội thế giới thì đang thu hẹp” (9).

## Tư tưởng cộng sản: lúng túng và hỗn loạn

Một trong những kết luận nổi bật trong phong trào nghiên cứu lý luận trên đây là “phải thay đổi”. Ngay cả Nguyễn Đức Bình cũng công nhận rằng “phải thay đổi căn bản hoặc từ bỏ những kết hợp không còn thích hợp với thực tế đã thay đổi” (10).

Nhưng “thay đổi” gì, “thay đổi” thế nào? Vấn đề này vừa bức bách vừa phức tạp trong bối cảnh mà

các cán bộ trung kiên cũng phải công nhận, là chủ nghĩa tư bản hơn hẳn chủ nghĩa xã hội. Trong một tác phẩm mang cái tên rất ý nghĩa là *Dân Chủ Tư Sản và Dân Chủ Xã Hội Chủ Nghĩa*, hai lãnh đạo tư tưởng hàng đầu của ĐCSVN viết: “chủ nghĩa tư bản đang tiếp tục một cách mạnh mẽ xu hướng hiện đại hóa và tự động hóa nền sản xuất, đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất... trong khi đó, vì không trải qua chủ nghĩa tư bản, chúng ta một mặt phải thực hiện những mục tiêu về tiến bộ và kỹ thuật mà chủ nghĩa tư bản đã giải quyết xong từ thế kỷ XVIII... và do không trải qua chủ nghĩa tư bản, tri thức, lý luận, kinh nghiệm của chúng ta còn ít ỏi; thậm chí do chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa kinh nghiệm và quan niệm không đầy đủ về quản lý, Nhà nước và xã hội chúng ta đã dừng lại quá lâu trong tình trạng lạc hậu, thô sơ, duy ý chí và quan liêu trên lĩnh vực tổ chức, quản lý”(11)

Hai tác giả trên đây là Ông Thái Ninh và ông Hoàng Gia Bảo. Ông Ninh là Phó Trưởng Ban Tư Tưởng và Văn Hóa Trung Ương, và ông Bảo là Viện Trưởng Viện Chủ Nghĩa Khoa Học thuộc Viện Mác-Lê-nin!

Hơn nữa, những lập luận khác của hai cán bộ then chốt này của Đảng cho ta thấy rõ tình trạng lúng túng, nếu không nói là hỗn loạn, về tư tưởng ở cấp đầu não của Đảng. Họ thấy rõ rằng cần dân chủ tự do, cần đối thoại, cần dân chủ chính trị.

Về dân chủ tự do họ nói: “dân chủ tự do, công bằng và bình đẳng, đó là những mục tiêu giải phóng con người, những giá trị của chủ nghĩa nhân đạo, của văn minh tiến bộ”(12).

Về nhu cầu đối thoại: “Nếu trong đời sống tinh thần và sáng tạo văn hóa không có khuyến khích tìm tòi, tính phê phán, tranh luận, đối thoại sẽ không có, sự phát triển của lối suy nghĩ thực, nói và làm không nhất quán, lệ thuộc, không phát huy được bản sắc cá tính sáng tạo riêng. Một khi độc thoại thay

thể cho đối thoại, chân lý bị độc quyền, tính phê phán bị cản trở...con người sẽ không nhận được những kích thích tới sự sáng tạo, thậm chí có nguy cơ bị biến dạng, rơi vào tha hóa...con người sẽ rơi vào các tình trạng lảng tránh, hoặc tùy thời, thậm chí giả dối giữa ý nghĩ và hành động, giữa nói và làm. Đó là sự hủy hoại nhân cách""(13).

Một điểm rất đặc biệt là hai ông nói rằng muốn khắc phục chủ nghĩa quan liêu và tình trạng phạm dân chủ, "phải trước hết là dân chủ kinh tế, dân chủ chính trị""(14).

Hai ông đã có những tư tưởng táo bạo. Nhưng, sau đó, họ không có can đảm và thành thực để đi đến cùng, nên lại tự mâu thuẫn lớn khi họ quả quyết rằng: "tự do tư tưởng và giải phóng tinh thần...gắn liền với các nguyên tắc và quan điểm chính trị của chủ nghĩa xã hội, được xác định bởi lập trường giai cấp""(15).

Hành vi của hai ông Ninh và Bảo không làm cho ta ngạc nhiên vì chính thủ trưởng của họ, Nguyễn Đức Bình, cũng lúng túng và hỗn loạn như họ. Trong bài giải thích ý nghĩa của Quyết Nghị 1, ông này vừa biện hộ cho tự do tư tưởng vừa cảnh cáo các lý luận gia của Đảng là trong Đảng chỉ có một quan điểm mà thôi. Ông nói: "Để đi đến chân lý, nhà nghiên cứu phải rất mực vô tư, khách quan. Chỉ có thái độ thực sự cầu thị, nhìn thẳng vào sự thật, dám từ bỏ những nhận thức sai lầm, biết nghe lẽ phải, không định kiến, hết sức khiêm tốn, tôn trọng lẫn nhau, v.v. mới có thể mở mang kiến thức...thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh mới là nguy hiểm đáng sợ, bởi đó là một triệu chứng bệnh hoạn không thể chấp nhận được trong đời sống tư tưởng - lý luận""(16).

Nhưng cũng trong bài ấy, ông ta lại nói: "Trong nghiên cứu và thảo luận cần dân chủ và tự do tư tưởng tới đa, nhưng nhất thiết phải trên cơ sở mục tiêu, con đường mà Đảng và nhân dân đã lựa chọn,

nghey quyết Đảng đã thông qua...không thể có nhiều trường phái trong cùng một dòng lý luận Mác-Lê-nin. Giữa những người cộng sản mác-xít, không thể có sự phân chia trường phái lý luận. Bởi vì, về lý luận, tất cả chúng ta thuộc cùng một trường phái duy nhất, không thể đa nguyên mà là nhất nguyên, đó là chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh."(17)

Phân tách trên đây khá tởm, nhưng sự tởm này cần thiết vì, như ông Trần Văn Giàu nói, ĐCSVN hiện nay đang bị một đám sương mù dày đặc bao bọc, và tư tưởng của họ, ngay cả ở cấp lãnh đạo, bị lúng túng và hỗn loạn. Rất nhiều đảng viên, dù có thiện chí và trí tuệ, vì vướng mắc với Đảng, tất nhiên cũng ở trong tình trạng đó, và không thấy rõ rằng những nguyện vọng chính đáng của họ — sung mãn, công bằng — có nhiều hy vọng được thỏa mãn hơn trong một chế độ kinh tế tự do có những bảo đảm cần thiết.

## II

### Một sự trùng hợp rất ý nghĩa

Phần I của bài này đã phân tích tởm sự tranh cãi về lý luận trong nội bộ giới cao cấp ĐCSVN trong tình huống chủ nghĩa cộng sản thoái trào trầm trọng trong khi chủ nghĩa tư bản tiếp tục hưng phát một cách ngoạn mục. Sự phân tích này đã làm nổi bật hai sự kiện: 1/ có một sự hỗn tạp tư tưởng lớn trong giới lãnh đạo ĐCSVN trong vấn đề phải ứng đối thế nào trước những biến chuyển lớn trên thế giới, và 2/ ngay cả những phần tử trung kiên và bảo thủ cực đoan nhất đã tỏ ra lúng túng và hỗn loạn vì không làm sao phủ nhận được một thực tại phũ phàng, là: chủ nghĩa tư bản rõ ràng hơn hẳn chủ nghĩa xã hội.

Với bối cảnh trên đây, phần II của bài này sẽ so sánh chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa tư bản về khả năng giải quyết hai vấn đề căn bản của quốc dân: là phát triển kinh tế và công bằng xã hội.

Một phần đáng kể sẽ dành cho

quan điểm của một số nhân vật xuất thân từ chế độ cộng sản, ngoài kinh nghiệm trực tiếp, đã suy ngẫm, nghiên cứu rất nhiều hòng tìm được phương thức hữu hiệu để thực hiện hai mục tiêu trên đây. Người dẫn đầu trong số này là Nguyễn Kiên Giang. Anh tự nhận là một người 'cộng sản kiên định' đã để cả một cuộc đời 'thể nghiệm chủ nghĩa cộng sản bằng trí tuệ và hành động của chính bản thân mình." (18) Những nhận xét và kết luận của anh tất có một trọng lượng lớn.

Phần khác, tư tưởng của Nguyễn Kiên Giang rất gần với tư tưởng của những người trong Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên. Rõ ràng là giữa những người thiện chí thuộc "bên này" lẫn "bên kia" đang sử dụng ánh sáng của trí tuệ để tìm một chế độ kinh tế thích hợp cho xứ sở có một sự trùng hợp về quan niệm căn bản. Sự trùng hợp này rất ý nghĩa và đầy hy vọng cho tương lai, nhất là ta có thể coi Nguyễn Kiên Giang như đại diện của rất nhiều đảng viên cộng sản còn lương tri và lương tâm, đã thức tỉnh, nhưng vì hoàn cảnh, không công khai nói lên quan điểm và nguyện vọng của mình được. Vì hai lý do trên đây, bài này sẽ đề cập nhiều đến tư tưởng của anh ấy.

### Phát triển và công bằng xã hội: tư bản chủ nghĩa hơn cộng sản chủ nghĩa

Hai vấn đề căn bản mà những ai nghiên cứu về chính trị xã hội đều phải chú ý đến là phát triển kinh tế và công bằng xã hội. Nguyễn Kiên Giang đã tỏ ra chú tâm đặc biệt đến hai vấn đề này. So sánh chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, anh ta đi đến kết luận rằng: chủ nghĩa tư bản hơn hẳn chủ nghĩa cộng sản. Anh nói: "Trong giai đoạn văn minh mới của loài người, trong khi đối cực của xã hội chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa, chứng tỏ sức sống dai dẳng và tăng lên bằng những sửa đổi điều chỉnh theo những yêu cầu của giai đoạn văn minh mới, thì khung khoảng của chủ nghĩa xã hội lại càng mang tính

chất nặng nề hơn vì nó không chứng tỏ tính hơn hẳn đối với chủ nghĩa tư bản, mà ngược lại, chủ nghĩa tư bản đang chứng tỏ tính hơn hẳn với nó ở những lãnh vực cơ bản của đời sống con người và xã hội”(tr.35)

Một lãnh vực then chốt trong đó chủ nghĩa xã hội đã tỏ ra kém xa chủ nghĩa tư bản là lãnh vực sản xuất. Anh ta nói: “Cho đến nay, trên thực tế, chỉ có chủ nghĩa tư bản là chế độ xã hội đem lại những phát triển mạnh mẽ nhất cho sức sản xuất xã hội mà kết quả là những đồng sản phẩm ngày càng khổng lồ, ngày càng phong phú, chưa từng thấy ở những chế độ xã hội trước đó...”(tr.192)

Không những chủ nghĩa tư bản đã hơn hẳn chủ nghĩa xã hội trong lãnh vực sản xuất (phát triển kinh tế), mà ngay cả trong lãnh vực quan trọng nhất trong chủ nghĩa cộng sản, lãnh vực công bằng xã hội, cũng vậy. Nguyễn Kiên Giang nhận xét rằng: “Trong một thời gian dài chúng ta tưởng rằng với chủ nghĩa xã hội, không bao lâu lý tưởng công bằng xã hội sẽ được thực hiện... Nhưng thực tế không phải như vậy.”(tr.176) Và tuy tự nhận là một người “cộng sản kiên định”, với 50 tuổi đang, con của một đảng viên cộng sản kỳ cựu, anh ta vẫn trung thực đưa ra kết luận sau đây: “Với tất cả những bất công của nó, chủ nghĩa tư bản vẫn đem lại cho xã hội những sản phẩm dồi dào đến mức có thể cung cấp cho những người nghèo trong xã hội những sản phẩm cần thiết tối thiểu cho cuộc sống của họ (Trong khi ở phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa, thiếu hụt là thực tế triển miên đối với hầu hết dân cư).”(tr.193)

Theo anh ấy, hai yếu tố trên đây liên hệ mật thiết với nhau. Không có một nền sản xuất phát triển mạnh mẽ với những sản phẩm dồi dào, “nói tới công bằng xã hội là vô nghĩa”. Thiếu thốn, nghèo khổ, như lịch sử đã chứng minh, không bao giờ đem lại công bằng xã hội cả. Có sản phẩm dồi dào không tự dẫn tới công bằng xã hội,

nhưng “nó là tiền đề không thể thiếu” để thực hiện công bằng xã hội. “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng là một không tưởng khủng khiếp”.(tr.192)

Tình trạng trên đây liên hệ mật thiết với cách tiếp cận của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản về những vấn đề tư hữu tư sản, cá nhân, và kinh tế thị trường.

### Sở hữu tư sản và kinh tế thị trường: giá trị chung của loài người

Theo Nguyễn Kiên Giang, sở hữu tư nhân và kinh tế thị trường là những “giá trị cơ bản”, những “giá trị chung” của loài người, và “lịch sử cho đến nay chưa tạo ra những giá trị nào khác hay hơn những giá trị ấy”, nhưng những người mác-xít lại đồng nhất nó với sự thống trị của giai cấp tư sản, với chủ nghĩa tư bản, và coi nó như là giá trị tư sản và thù địch. (tr.100-112)

Anh nhận xét: sở hữu cá nhân là “động lực mạnh mẽ nhất, có hiệu quả nhất của mọi hoạt động kinh tế”; nó là cơ sở của lợi ích cá nhân, mục tiêu cao nhất của những hoạt động kinh tế. Cá nhân là chủ thể của mọi hoạt động kinh tế, và “tất cả các quá trình đều bị phá vỡ khi không lấy cá nhân và lợi ích cá nhân làm mục tiêu và cơ sở”. Nhưng “cá nhân chỉ có thể tồn tại trên cơ sở sở hữu của nó”. (tr.182-183)

Trong nhãn quan anh, sở hữu “tự nó chính là một vật kỳ diệu”, là “phát minh vĩ đại nhất của nền văn minh con người”, vì nó làm cho con người có quyền lực với thế giới bên ngoài và nó là “nguồn gốc của tự do”. Con người mất sở hữu của mình tức là “mất chỗ đứng chân của mình và do đó cũng mất cả chính mình”. Sở hữu quan trọng như vậy vì đối tượng của nó “không chỉ là tài sản vật chất mà là trí tuệ, là tài năng, những thứ gắn chặt với con người...”(tr.113)

Anh kết luận rằng: những quan hệ sở hữu ở nước ta hiện nay không phù hợp với trình độ phát triển kinh tế; do đó, nó “vẫn tiếp

tục kìm hãm và phá hoại năng lực sản xuất của xã hội” (tr.126) : chủ nghĩa xã hội xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập kinh tế công hữu, xóa bỏ kinh tế thị trường, thiết lập kinh tế kế hoạch hóa tập trung, nhưng “thực tế cho thấy phương hướng giải quyết ấy không đem lại những kết quả mong muốn, mà ngược lại.” (tr.197).

Kết quả là: “Trong nền kinh tế của ta đang có nhiều yếu tố bệnh hoạn khiến cho các cơ chế thị trường lành mạnh (cạnh tranh và điều tiết) không hoạt động bình thường được, tạo điều kiện cho những thế lực đen tối lũng đoạn và phá hoại...; một tầng lớp xã hội nhỏ bé lại chiếm đoạt những của cải của đất nước một cách ngang nhiên... Trong xã hội hình thành khá rõ một tầng lớp “tư sản không văn minh” mang tính chất lưu manh; về thực chất, bọn này lẫn bọn kia đều ăn cắp của nhà nước và nhân dân (trong khi xã hội đang cần có một tầng lớp “tư sản văn minh” để xã hội có thể vượt qua tình trạng lạc hậu về kinh tế và kỹ thuật nhanh hơn). “Điều không tránh khỏi đã xảy ra: những phần tử thoái hóa biến chất trong bộ máy nhà nước móc ngoặc với những phần tử lưu manh trong xã hội, kết thành những mafia có thế lực lớn hơn. Chế độ ta lâm vào thế hiểm nghèo vì sự phá hoại và lũng đoạn của chúng” (tr.126-127)

Hà Sĩ Phu cũng có những nhận xét tương tự: “khi chúng ta định dùng chuyên chính vô sản để đánh tư bản mà không đánh được thì con người sẽ dùng ngay chuyên chính vô sản làm phương tiện để lách qua cửa ải tự do cạnh tranh mà trở thành tư bản! Và nếu dự cảm ấy sẽ thành hiện thực thì công lao của học thuyết về chủ nghĩa xã hội là đã cung cấp cho nhân loại thêm một con đường để tư bản hóa, một thứ tư bản lưu manh và bệnh hoạn!”(19)

### Không trở lại tư bản rừng rú

Những nhận xét gắt gao trên đây không xuất phát từ những “phần tử xấu”, những “thế lực thù nghịch”

đang âm mưu dẹp bỏ chủ nghĩa xã hội bằng ‘điển biến hòa bình’, mà từ những người cộng sản kiên định. Vì nó chỉ nói lên một thực tại nên nó cũng trùng hợp với nhận xét của những người Việt hải ngoại đã theo dõi kỹ tình hình trong nước và quan sát ngay tại chỗ. Ví dụ: anh Trần Ngọc Sơn (báo *Thông Luận*). Theo anh Trần Ngọc Sơn, tình trạng kinh tế trong nước hiện nay là một tình trạng “tư bản rừng rú”. Trong thị trường kinh tế hạn chế bởi định hướng xã hội chủ nghĩa “*cái xấu của kinh tế thị trường đang lan tràn còn cái hay thì bị chặn lại*”; những chính sách đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, dân chủ tập trung buộc kinh tế phải “*theo kiểu lai căng rừng rú, móc ngoặc với tham nhũng mà hậu quả là con người bị cái tồi dở của kinh tế thị trường hủy hoại... Những khẩu hiệu ‘dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh’... chỉ được thực hiện theo bề trái của nó, nghĩa là làm giàu cá nhân qua hối lộ, tham nhũng, ăn cắp của công, móc ngoặc, làm cho đất nước yếu đi.*” (20)

Một điều cần ghi nhận ở đây là: tuy rằng anh Nguyễn Kiên Giang gạt bỏ chủ nghĩa xã hội hiện đại vì nó đã lỗi thời, sai lầm, và bệnh hoạn, nhưng anh không chủ trương trở lại chủ nghĩa tư bản. Trái lại, anh nói rất rõ nhiều lần rằng: nếu khái niệm xã hội chủ nghĩa, cũng như khái niệm cộng sản chủ nghĩa, không có triển vọng về khoa học, “*điều đó hoàn toàn không có nghĩa là quay về với chủ nghĩa tư bản*”. (tr.60) Nhưng anh tin rằng tư bản hiện đại sẽ chuyển sang hình thái mới “*theo hướng dân chủ hóa, nhân đạo hóa*”, và “*những méo mó*” dưới chế độ tư bản sẽ được gạt bỏ dần, vì nó sẽ bị thị trường và “*những ông sở hữu rất nhạy cảm với mọi thay đổi trong quá trình sản xuất xã hội*” kèm kẹp. (tr.102-03)

Quyền lực và bạo lực của đồng tiền không bị xóa bỏ, nhưng “*những quyền lực ấy từ nay sẽ bị chi phối bởi quyền lực của trí thức.*” Trí thức là “*tiền đề để cá nhân có*

*thể độc lập hơn, tự do hơn, và để cá nhân có thể đạt tới địa vị xã hội bình đẳng hơn*” (tr.200)

Quan điểm trên đây cũng giống quan điểm của anh Nguyễn Khắc Viện. Không bao lâu trước khi anh ấy mất, anh đã nói lên sự vỡ mộng của anh đối với “*xã hội chủ nghĩa*”, và anh chấp nhận chủ nghĩa tư bản, vì nó là “*xu thế không thể cưỡng, làm cho khoa học kỹ thuật tiến lên, một số người có thể phát huy khả năng...*” (4) và vì “*kỹ thuật hiện đại trao cho chúng ta đầy đủ phương tiện biến tư bản man rợ thành tư bản văn minh*” (1). Nhưng anh cũng cảnh cáo phải “*dè chừng*”, phải chống lại “*tư bản man rợ*”, đừng để cho nó “*tác oai tác quái*”. Nhưng anh cũng công nhận có một điều may là “*tư bản khi nào cũng thực tế, thực dụng, không bao giờ cuồng tín*”, và gặp đối thủ quá mạnh thì họ nhượng bộ. (1)

### **Trùng hợp với kinh tế của dân chủ đa nguyên**

Theo anh Nguyễn Kiên Giang, cả sở hữu cá nhân lẫn sở hữu xã hội sẽ mất địa vị độc tôn, và trong xã hội sẽ tồn tại “*một hệ thống sở hữu đa nguyên*”. Tư bản hiện đại sẽ chuyển sang một hình thái xã hội mới, “*nhân đạo, dân chủ, tự phát triển, tự hoàn thiện, nhất là đối với nội dung đa nguyên của nó...*” (tr. 68). Quan điểm căn bản của anh Nguyễn Kiên Giang là một quan điểm đa nguyên. Rõ ràng là giữa anh và những người trong Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên có một sự trùng hợp, không những về căn bản, mà rộng rãi, đặc biệt là về kinh tế xã hội.

Về phương diện này, *Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên* khẳng định: kinh nghiệm thế giới trong nhiều thập niên qua cho thấy rằng chính sách kinh tế tập thể, quốc doanh đều thất bại, và “*thị trường tự do là bảo đảm chắc chắn nhất cho một sự phân phối hiệu nghiệm*”. Cho nên “*Chọn lựa cho kinh tế phải có cho Việt Nam là một nền kinh tế thị trường, lấy xí nghiệp*

*tư làm nền tảng, lấy óc kinh doanh và sáng kiến làm sức mạnh, lấy tinh thần cầu tiến và làm giàu làm động cơ, lấy lợi nhuận làm phần thưởng và kích thích.*” (22)

Chọn lựa ấy có nghĩa là “*nhà nước sẽ không làm tất cả những gì mà tư doanh có thể làm được*”; vai trò nhà nước chỉ là bảo đảm sự ổn định của đồng tiền, ngăn ngừa những cạnh tranh bất chính và đầu tư vào những ngành nhiều triển vọng mà tư nhân chưa dám hoặc chưa đủ khả năng đầu tư. Nhà nước cũng có “*chức năng cảnh giác*” trước những khuynh hướng kinh doanh có phương hại và khuyến khích những khuynh hướng kinh doanh có lợi... (tr.29)

Về công bằng xã hội, *Dự Án* nói rõ và mạnh: “*Trong các nhiệm vụ của Nhà nước dân chủ đa nguyên, nhiệm vụ trọng yếu nhất là bảo đảm công bằng xã hội... chủ nghĩa đa nguyên tôn trọng mọi thành phần xã hội, do đó nó không chấp nhận để một thành phần bóc lột và chà đạp một thành phần khác*”.

“*Công bằng xã hội là điều kiện cơ bản để giữ gìn sự bền chắc của nền tảng xã hội, bảo đảm sự tham gia tích cực và phấn khởi của mọi người...*”.

Cũng như Nguyễn Kiên Giang, Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên “*coi rất trọng công bằng xã hội và không thể đi đôi với cái thường gọi là tư bản rừng rú*”. (tr.19). Phần khác, cũng như Nguyễn Kiên Giang, Phong Trào Đa Nguyên đặt nặng vấn đề trí thức. *Dự Án* nhấn mạnh nhu cầu “*khai thông trí tuệ*”, (tr.14) “*đầu tư vào suy nghĩ... xét lại toàn bộ tập quán... đổi mới toàn cách suy nghĩ và tổ chức*” (tr.12)

### **Vấn đề danh xưng: tư bản văn minh hay tư sản văn minh?**

Dưới ánh sáng của trí tuệ, những người phía Nguyễn Kiên Giang và những người phía Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên đã đi tìm một thể chế kinh tế hợp lý, hữu hiệu, nhân đạo, thích hợp với nhu

cầu và hiện tình xã hội của Việt Nam, và giữa họ đã có một sự trùng hợp và đồng thuận rất lớn về thể chế đó. Những nét lớn của nó có tính chất tư bản, nhưng một loại tư bản mới, mang một số đặc tính của tư bản phổ thông, đồng thời bị một số kèm chế nhằm bảo vệ dân chủ tự do và công bằng xã hội.

Vấn đề còn lại là cho thể chế này một danh xưng thích hợp. Theo anh Nguyễn Khắc Viện, đến một lúc nào đó, nếu bộ máy tư bản bị hạn chế và kìm hãm đến một mức nào đó “*thì tên gọi là chủ nghĩa tư bản hay xã hội chủ nghĩa không quan trọng nữa*”. Nhưng anh cũng có đề cập đến “*tư bản văn minh*”. Danh xưng này đúng, nhưng nó lại kêu gọi hình ảnh xưa vì danh từ “*tư bản*”. Về phần anh Nguyễn Kiên Giang, anh ấy có đề cập đến khái niệm “*tư sản văn minh*”. Danh từ “*tư sản*” bao hàm một phạm vi hẹp hơn “*tư bản*”, nhưng vì vậy mà nó thích hợp hơn, vì chúng ta chủ trương chỉ lấy một phần của tư bản, phần năng động, sáng tạo, của nó, và gạt bỏ hoặc kìm hãm những khía cạnh tiêu cực của nó. Cho nên, chúng ta có thể gọi chế độ kinh tế của dân chủ đa nguyên là “*chế độ tư sản văn minh*”.

Ottawa,

viết vào dịp Cách mạng tháng 8 và Cách mạng tháng 10, 1998

**Tôn Thất Thiện**

Chú thích

1) Nguyễn Khắc Viện, *Diễn Đàn* (Paris), số 24, tháng 11, 1993.

2) Nguyễn Đức Bình, *Về Công Tác về Lý Luận Trong Giai Đoạn Hiện Nay*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, tr.12, 14.

3) Điểm này và tất cả các điểm khác liên quan đến Quyết Nghị 1 đều trích từ tài liệu trên đây, tr.5-10.

4) Những bài tham luận đó được thu tập trong quyển *Về Công Tác Lý Luận...* chú dẫn ở số (1) trên đây. Ngoài ra có một số bài về vấn đề này của nhiều tác giả đăng trong *Tạp Chí Cộng Sản*, hay tác phẩm đặc biệt của những lãnh đạo tư tưởng Đảng.

5) Hiện nay là Ủy Viên CTB, Trưởng Ban Tư Tưởng và Văn Hóa của TƯ Đảng, và tác giả của *Bảo Vệ và Phát Triển Chủ Nghĩa Mác-Lê-nin, Tư Tưởng Hồ Chí Minh là Nhiệm Vụ Quan Trọng*, Hà Nội, 1994, Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia.

6) Nguyễn Đức Bình, *Bảo Vệ và Phát Triển Chủ Nghĩa Mác-Lê-nin...*, sđd, tr. 22 và 33.

7) *Tài Liệu Học Tập Lý Luận*, cấp kết nạp Đảng, 1993, hay cấp chính trị phổ thông, 1994, do NXB Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, ấn hành.

8) Trần Bạch Đằng, *Về Công Tác Lý Luận...* sđd, tr 110.

9) Trần Văn Giàu, *Về Công Tác Lý Luận...*sđd, tr.102.

10) Nguyễn Đức Bình, *Bảo Vệ và Phát Triển Chủ Nghĩa Mác-Lê-nin...*, sđd. tr.50.

11) Thái Ninh và Hoàng Gia Bảo, *Dân Chủ Tư Sản và Dân Chủ Xã Hội Chủ Nghĩa*, Hà Nội, 1991, NXB Sự Thật, tr.81

12) *Như thế*, tr.52

13) *Nt*, tr.57

14) *Nt*.tr.57

15) *Nt.*, tr.102

16) Nguyễn Đức Bình, *Bảo Vệ và Phát Triển...* sđd, tr.34 và 37.

17) *Nt*, tr.36.

18) Nguyễn Kiên Giang, *Tuyển Tập*, 1993, Garden Grove, CA, tr.17. Để tránh kéo dài phần chú dẫn, tôi chỉ sẽ ghi số trang sau những đoạn trích từ *Tuyển Tập*.

19) Hà Sĩ Phu, *Tuyển Tập*, 1996, Garden Grove, Tạp Chí Thế Kỷ 21, tr.103.

20) Trần Ngọc Sơn, “*Đối thoại với ĐCSVN*”, *Thông Luận*, số 107, tháng 9, 1997

21) Nguyễn Khắc Viện, “*Kiến nghị gửi Nguyễn Hữu Thọ, Chủ Tịch Mặt Trận Tổ Quốc, 6/1/1991, Diễn Đàn Người Việt*”, Montreal, số 3, mùa xuân 1991.

22) Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên, *Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên*, Paris, 1992, tr.29. Để tránh kéo dài phần ghi chú, sau đây những đoạn trích từ *Dự Án Dân Chủ Đa Nguyên* chỉ sẽ mang số trang ở cuối câu.

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)  
Giá báo một năm: 200 FF  
(hoặc tương đương)  
Ngân phiếu xin đề  
VIETNAM FRATERNITE  
(xin dùng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :  
**THÔNG LUẬN**  
124 bis, rue de Flandre  
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:  
Nguyễn Thanh Lương  
Habsburgerallee 104  
60385 Frankfurt aM.  
Tel: 069-4940048  
Fax: 069-443913  
và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:  
Frankfurt Volksbank e G  
**THANH LUONG, NGUYEN**  
Konto-Nr: 00 77 70 82 94  
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592  
Fremont, CA 94537 - 7592  
e-mail: qml@juno.com  
Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:  
Mrs Quan-My-Lan

## THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam (Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: Phan Bá Việt  
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan  
Stelpswyk 13, 9202 BD Drachten  
Telefax: 051.253.1318 - 024.373.0652

Giá báo một năm: 55 gulden,  
xin chuyển vào trương mục của hội:  
Giro nr 6234112. Postbus 40083